



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC TRUNG ƯƠNG

48 Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: +84.24.38252791 - Fax: +84.24.38256911

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VILAS 087

CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis

CHUẨN ĐỐI CHIẾU THỨ CẤP
Secondary Reference Substance

ACID SALICYLIC



SKS: C0223281

- I. **Mục đích sử dụng:** Chuẩn đối chiếu thứ cấp Acid salicylic SKS: C0223281 được sử dụng cho các phép thử định tính và định lượng bằng phương pháp phân tích hóa lý.

Intended use: The Secondary Reference Substance Salicylic acid control No. C0223281 is intended to be used in physicochemical analysis for assay and identifications.

- II. **Mô tả:** Bột kết tinh màu trắng hoặc gần như trắng.
Description: A white or almost white, crystalline powder.

- III. **Kết quả phân tích:** Đối chiếu với chuẩn Acid salicylic USPRS Lot. K0F112, có hàm lượng 0,998 mg/mg $C_7H_6O_3$, tính theo nguyên trạng.

Analytical data: The Salicylic acid USPRS Lot. K0F112 was used as Standard and regarded as 0.998 mg/mg $C_7H_6O_3$, calculated on the as is basis.

1. Định tính (Identifications)

- a. Phổ hồng ngoại : Phù hợp với phổ hồng ngoại của Acid salicylic chuẩn.
IR *Concordant with the infrared absorption spectrum of Salicylic acid RS.*

- b. HPLC : Trong phép thử định lượng, thời gian lưu của pic chính trên SKĐ của dung dịch thử tương ứng với thời gian lưu của pic chính trên SKĐ của dung dịch chuẩn.
The retention time of the major peak of the sample solution corresponds to that of the standard solution, as obtained in the Assay

2. Mất khối lượng do làm khô : 0,01 %
Loss on drying

3. Tạp chất liên quan (HPLC) : Tạp A (Salicylic acid related compound A): 0,04 %
Related substances Tạp B (Salicylic acid related compound B): 0,03 %
Phenol: Không phát hiện (*not detected*)
Tạp khác: Không phát hiện (*Any other individual impurity: not detected*)
Tổng tạp (*Total impurities*): 0,07 %

4. Định lượng (HPLC)

Assay

: 99,8 % $C_7H_6O_3$, tính theo nguyên trạng.

Độ không đảm bảo đo mở rộng $U = \pm 0,2 \%$, hệ số phủ $k = 2$ ở độ tin cậy 95 %.

99.8 % $C_7H_6O_3$, calculated on the "as is" basis.
Expanded uncertainty of the certified value
 $U = \pm 0.2 \%$, using a coverage factor $k = 2$ at level of confidence approximately 95 %.

IV. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng

Direction for use: Do not dry before use

V. Bảo quản: Nhiệt độ $2 - 8^\circ C$, tránh ánh sáng.

Storage: Keep container protected from light, preferably at the temperature from $2 - 8^\circ C$.

Date of adoption
15th February 2023

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

VIỆN TRƯỞNG

Y Director



Đoàn Cao Sơn

Kiểm tra định kỳ (Re-test year)		
Đã kiểm tra (năm) <i>Last re-test</i>	Kiểm tra lần sau (năm) <i>Next re-test</i>	Phụ trách khoa (ký) <i>Signature</i>
	2026	

Các thông tin về chất chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>

Visit the flowing link to see the updated information of reference substances:
<http://www.nidqc.org.vn>